

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 14 - 11 - 2019  
V/v ly hôn; nuôi con chung giữa chị L  
và anh L

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lự.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/ 2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc “ ly hôn; nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST - HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 “ có mặt”.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1977 “ có mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn L tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào năm 1993 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về chung sống với nhau tại thôn L, xã L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc, đến tháng 12/2018 vợ chồng đã xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh L không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống. Anh L có tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh L không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh L không thể cùng chung sống được nữa, chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu Phạm Văn Hùng, sinh ngày 12/5/2000, hiện nay cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phạm Văn L, sinh ngày 08/01/2002 hiện nay cháu ở cùng chị. Nguyên vọng sau ly hôn chị được nuôi dưỡng cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về điều kiện nuôi con, hiện nay chị có thu nhập từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng, có nơi ở ổn định và đủ điều kiện nuôi con.

*Về tài sản riêng, chung; Công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Phạm Văn L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời khai của chị L là đúng. Trong thời gian chung sống anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không muốn ly hôn, nguyện vọng của anh vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Anh xác định lời khai trên của chị L là đúng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản riêng, chung; Công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Văn L, trong trường hợp bố, mẹ ly hôn cháu mong muốn ở với chị L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227; 228; 147; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Giao cháu Phạm Văn L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.  
Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn cụng khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] **Về hôn nhân:** Chị L và anh L kết hôn đảm bảo đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống. Tuy anh L có nguyện vọng về đoàn tụ, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vẫn cương quyết đề nghị giải quyết ly hôn. Do vậy căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn anh L.

[3] **Về nuôi con chung:** Hội đồng xét xử xét thấy chị L có thu nhập và chỗ ở ổn định, nguyện vọng của cháu L là ở với mẹ nên giao cháu Phạm Văn L cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] **Về án phí:** Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; 147; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn L, sinh ngày 08/01/2002 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp đủ số tiền 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/0004296 ngày 18/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hoài Mơ Nguyễn Thị Hoan**

**Nguyễn Thị Linh**

***Nơi nhận:***

**THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Linh**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

**THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Linh**